

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2025
V/v: Tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Kiều Hương.

Ông Nguyễn Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nam; Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 và ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2025/TLPT - DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc: Tranh chấp đất đai.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:62/2025/QĐPT-DS ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Văn phòng Luật sư Trọng Hải & Công sự. Địa chỉ: số 65 đường Lý Tự Trọng, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng Hải, bà Nguyễn Minh Huyền (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 09 năm 2020). Ông Nguyễn Trọng Hải vắng mặt. Bà Nguyễn Minh Hiền có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Nguyên liệu TH vùng Đông Bắc Nghệ An (nay là Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc).

Địa chỉ: xóm 10 (nay là Làng Cầu), xã Lăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Hoàng Minh Giáp - Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

- Ông Nguyễn Sỹ Đa - Phó Tổng giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2021) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số 3, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Đức Trung - Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

- Ông Thái Duy Hùng - Phó trưởng phòng Quản lý đất đai Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Nghệ An là người đại diện theo ủy quyền (xin vắng mặt).

2) Ủy Ban Nhân Dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp:

- Ông Phan Văn Tuyên - Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Dương - Phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

3) Hạt Kiểm Lâm huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết Khánh - Hạt trưởng là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

4) Ủy Ban Nhân Dân xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: xóm Hồng Liên, xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Xuân Toàn - Chủ tịch UBND xã là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

5) Chị Nguyễn Thị Thanh (vắng mặt)

6) Chị Nguyễn Thị Nhàn (vắng mặt)

7) Chị Nguyễn Thị Ngọc (vắng mặt)

8) Anh Nguyễn Văn Đại (vắng mặt)

9) Anh Nguyễn Văn Đường (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bả), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thanh, chị Nhân, chị Ngọc và anh Đại là: ông Nguyễn Văn Đ (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn Đường là: ông Nguyễn Văn Trung (có mặt).

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan; Trú tại: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Là: Nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan thống nhất trình bày:

Bố mẹ Ông lên vùng Động Cầu năm 1958, sau đó quay trở về Đập Quản Hải, xã Đ Thành và sinh ra ông Đ tại đó vào năm 1962. Đến năm 1967, thì bố mẹ Ông quay trở lại sinh sống ở xóm Nhà Đũa, xã Kim Thành. Năm 1996, vợ chồng ông Đ bà Lan được nhà nước giao giữ đất theo hợp Đ giao nhận đất lâm nghiệp ngày 16 tháng 11 năm 1996 với 120 ha rừng, tổng cộng 04 lô đất bìa xanh và 01 lô đất bìa trắng. Bìa xanh bao gồm lô 2B, lô 5A, lô 5B, lô 20A. Bìa trắng là lô 20. Việc giao đất cho gia đình tôi trên giấy tờ và ngoài thực tế vào thời điểm năm 1996 có sự sai sót là 4,2 ha.

Năm 1998, gia đình Ông được cấp bìa lâm nghiệp (lâm bạ). Trong đó có 07 bìa lâm bạ và 01 bìa trắng không công chứng.

+ Lâm bạ 1: Số lâm bạ tại lô số 2a, tiểu khu 876, diện tích 16,5 ha, loại hình trạng thái IIa, mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 2: Số lâm bạ tại lô số 5b, tiểu khu 881, diện tích 15,1 ha, loại hình trạng thái IIa , mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 3: Số lâm bạ tại lô số 5, tiểu khu 881, diện tích 25,4 ha, loại hình trạng thái IIa, mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 4: Số lâm bạ tại lô số 2b, tiểu khu 876, diện tích 35 ha, loại hình trạng thái IIa , mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 5: Số lâm bạ tại lô số 2, tiểu khu 876, diện tích 30 ha, loại hình trạng thái IIa , mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 6: Số lâm bạ tại lô số 20a, tiểu khu 881, diện tích 22,9 ha loại hình trạng thái IIa , mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ Lâm bạ 7: Số lâm bạ tại lô số 5a, tiểu khu 881, diện tích 28,5 ha, loại hình trạng thái IIa , mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

+ 01 bìa trắng: tại lô số 20, tiểu khu 881, diện tích 22,7 ha. Mục đích sử dụng: Khoanh nuôi bảo vệ và sản xuất trồng rừng.

Tổng toàn bộ diện tích rừng gia đình Ông được Nhà nước giao là 196,1 ha.

Tại thời điểm sổ lâm bạ, gia đình Ông có tổng cộng 07 nhân khẩu bao gồm: vợ chồng tôi và các con: Thanh, Nhân, Ngọc, Đại, Đường.

Đến năm 2003, Tổng đội TNXP6 về để làm kinh tế trên địa bàn đã tiến hành họp bàn kế hoạch sản xuất với các hộ gia đình có đất tại khu vực xóm Nhà Đũa chứ không đề cập đến việc quy hoạch đất.

Sau khi họp, Tổng đội đã tiến hành khai hoang và lấy đất của các hộ gia đình ở vùng này, trong đó có đất của gia đình tôi với lô số 2b (35 ha), lô số 2 (30 ha), lô số 2a (16,5 ha), lô số 5 (25,4 ha), lô số 5a (*tổng đội lấy một phần khoảng 10 ha đến 11 ha*), lô số 5b (15,1 ha), lô số 20 (22,7 ha), lô số 20a (*tổng đội lấy một phần khoảng 10 ha đến 11 ha*). Tổng toàn bộ diện tích rừng gia đình tôi bị Tổng đội lấy là khoảng 164,7 ha. Những lô đất này sau đó được Tổng đội sử dụng, đến khi Tổng đội giải thể thì Công ty cổ phần phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc (sau đây gọi tắt là Công ty Đông Bắc) sử dụng lô đất.

Năm 2004, hộ gia đình Ông gia nhập Tổng đội TNXP để sản xuất kinh tế. Tuy nhiên, gia đình Ông không được giao đất mà chỉ sử dụng đất sẵn có từ trước.

Từ khi có dự án, cho đến khi Tổng đội về xã Kim Thành thì Ông không được thông báo và không hề được biết. Ông không được thông báo về việc thu hồi đất lâm nghiệp. Đến năm 2005, Tổng đội có về các gia đình để thỏa thuận việc chuyển lại cho Tổng đội một số diện tích đất, theo đó: ngày 04/5/2005 ông Trần Văn Thủy, ông Nguyễn Văn Giang, ông Nguyễn Sỹ Hậu – đại diện cho Tổng đội đã tiến hành lập biên bản trả tiền đất rừng lô số 20a với tình tiết cụ thể như sau:

+ Đền bù tiền khoanh nuôi bảo vệ từ năm 1996 đến 2001 là $50.000 \text{ Đ/ha} \times 5 \text{ năm} \times 4\text{ha} = 1.000.000 \text{ Đ}$ (Một triệu Đ); tiền làm sổ lâm bạ $17.500 \text{ Đ/ha} \times 4\text{ha} = 70.000 \text{ Đ}$ (Bảy mươi nghìn Đ); đền bù tiền củi tận dụng tài sản trên đất là 1.200.000 Đ. Tổng toàn bộ tiền đền bù là 2.270.000 Đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi nghìn Đ).

+ Đền bù diện tích rừng khoanh nuôi bảo vệ khi chuyển sang cho Tổng đội quản lý là $50.000 \text{ Đ/ha} \times 5 \text{ năm} \times 7\text{ha} = 1.750.000 \text{ Đ}$ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn Đ); tiền làm sổ lâm bạ $17.500 \text{ Đ/ha} \times 7\text{ha} = 122.500 \text{ Đ}$ (Một trăm hai mươi hai nghìn năm trăm Đ); Tổng đội hỗ trợ tiền khoanh nuôi từ năm 1996 – 2001 là $100.000 \text{ Đ} \times 7\text{ha} = 700.000 \text{ Đ}$ (Bảy trăm nghìn Đ). Tổng toàn bộ tiền đền bù là 2.572.500 Đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm Đ).

Tổng toàn bộ tiền đền bù là 4.842.500 Đ (Bốn triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm Đ). Tuy nhiên gia đình Ông không Đ ý với thỏa thuận trên.

Diện tích đất của gia đình Ông là 164,7 ha bị Tổng đội lấn chiếm và giao cho các Đội viên sử dụng. Sau khi Tổng đội giải thể, thì chuyển một số diện tích cho Công ty Đông Bắc, một số còn lại do các đội viên quản lý. Công ty Đông Bắc đang sử dụng lô 2b (35ha), lô 5 (7ha), lô 5a (10ha), lô 20 (22,7ha), lô 20a (11ha). Tổng toàn bộ diện tích Công ty Đông Bắc đang sử dụng là 85,7 ha và ông thừa nhận, phần diện tích này UBND huyện, tỉnh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho Công ty Đông Bắc, do đó Công ty Đông Bắc sử dụng là không hợp pháp.

Năm 2016, gia đình Ông lên chiếm một phần diện tích và trồng lại cây keo trên lô 20a, tiểu khu 881 với diện tích 4,77 ha. Đến nay, số cây keo này vẫn chưa thu hoạch. Nếu Tòa án giải quyết đất đó là của Công ty Đông Bắc thì gia đình Ông sẽ tự thu hoạch, còn nếu Tòa án giải quyết đất đó là của gia đình Ông thì Ông sẽ giữ nguyên số cây keo đó.

Từ năm 2005 trở đi, hầu như năm nào gia đình Ông cũng làm đơn yêu cầu bồi thường gửi Tổng đội Thanh niên xung phong 6, từ năm 2008 thì gia đình Ông có làm đơn đến Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành, Huyện ủy Yên Thành đều không được giải quyết.

Vậy nên ông Đ, bà Lan đề nghị Tòa án buộc Công ty Đông Bắc trả lại cho gia đình Ông, bà 127,3 ha đất lâm nghiệp tại xóm Nhà Đũa, xã Kim Thành, huyện Yên Thành (như sau: 30ha tại lô số 2, tiểu khu 876; 16,5ha tại lô số 2a, tiểu khu 867; 35ha tại lô số 2b, tiểu khu 876; 15,4ha tại lô số 5, tiểu khu 881; 6,8ha tại lô số 5a, tiểu khu 881; 14,1ha tại lô số 5b, tiểu khu 881 và 9,5ha tại lô số 20a, tiểu khu 881)

Ngày 12/09/2022 ông Đ và bà Lan xin rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Đông Bắc trả lại cho gia đình Ông, Bà 76ha đất lâm nghiệp tại xóm Nhà Đũa, xã Kim Thành, huyện Yên Thành (như sau: 30ha tại lô số 2, tiểu khu 876; 16,5ha tại lô số 2a, tiểu khu 867; 15,4ha tại lô số 5, tiểu khu 881; 14,1ha tại lô số 5b, tiểu khu 881).

Ngày 08/05/2023 ông Đ và bà Lan xin rút yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Đông Bắc trả lại cho gia đình Ông, Bà 9,97ha đất lâm nghiệp tại xóm Nhà Đũa, xã Kim Thành, huyện Yên Thành (như sau: 5,2ha tại lô số 5a, tiểu khu 881; 4,77ha tại lô số 20a, tiểu khu 881)

Tại phiên tòa ông Đông và bà Lan đề nghị Tòa án buộc Công ty Đông Bắc trả lại cho gia đình Ông, Bà 41,33 ha đất lâm nghiệp tại xóm Nhà Đũa, xã Kim Thành, huyện Yên Thành (như sau: 35ha tại lô số 2b, tiểu khu 876; 1,6ha tại lô số 5a, tiểu khu 881; 4,73ha tại lô số 20a, tiểu khu 881).

Theo bản tự khai ngày 05 tháng 08 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án Bị đơn là Công Ty Đông Bắc do ông Nguyễn Sỹ Đa đại diện trình bày:

Tổng đội Thanh Niên Xung Phong 9 (sau đây viết tắt là: Tổng đội TNXP6) được thành lập theo QĐ 3215 ngày 17/8/2001. Khi thành lập thì dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt với quy mô diện tích 3.386,5 ha. Không có quyết định giao đất mà chỉ có: “văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành về giao đất cho Tổng đội TNXP6; biên bản của các xã Lăng Thành, Kim Thành, Mã Thành (Yên Thành) và xã Tân Sơn (Quỳnh Lưu) về việc giao đất thực địa cho Tổng đội TNXP6. Có thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành. Khi giao đất thì có ranh giới, diện tích và các tiểu khu 876, 873 và một phần của tiểu khu 877 thuộc xã Lăng Thành; tiểu khu 878 thuộc xã Kim

Thành và một phần của tiểu khu 875 thuộc xã Mã Thành (nay là xã Tiến Thành). Các hộ gia đình không trực tiếp bàn giao cho Tổng đội TNXP6”.

Năm 2003, hộ ông Đ bà Lan đăng ký làm thành viên Tổng đội TNXP6. Khi đó gia đình ông Đ bà Lan đã có đất tại chỗ nên được giao đất tại chỗ để tiện sản xuất. Hiện nay, gia đình ông Đ bà Lan đang sử dụng 11,9 ha; Công ty Đông Bắc sử dụng 11 ha tại lô 20a, tiểu khu 881.

Cuối năm 2012 đầu năm 2013 Tổng đội TNXP6 giải thể và thành lập nên Công ty Đông Bắc. Tổng đội TNXP6 chuyển nguyên trạng đất cho Công ty Đông Bắc, bao gồm cả thửa đất đang tranh chấp giữa ông Đ bà Lan và Công ty Đông Bắc. Về bồi thường giải phóng mặt bằng: các đội viên được hỗ trợ 40% giá trị tiền đất theo đơn giá tại thời điểm, tài sản trên đất thì được bồi thường 100%. Còn số diện tích đất của hộ ông Đ, bà Lan đang sử dụng, gia đình không trả đất để nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng.

Diện tích 83,7 ha của ông Đ, bà Lan sau đó đã được Tổng đội TNXP6 giao lại cho các đội viên sử dụng. Sau khi Tổng đội giải thể thì một phần diện tích đất được giao cho Công ty Đông Bắc và phần diện tích đất, tài sản trên đất đó đã được bồi thường cho các đội viên; Còn phần diện tích còn lại thì gia đình ông Đ, bà Lan và các hộ dân khác đang sử dụng.

Diện tích đất trên đã được bồi thường đầy đủ theo phương án của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành phê duyệt.

Thời gian qua Công ty Đông Bắc đã và đang làm các thủ tục để Nhà nước cho thuê đất (cấp GCNQSD đất; quyết định cho thuê đất; hợp Đ thuê đất) của số diện tích đã bồi thường giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành chỉ mới cho thuê đất số diện tích không tranh chấp; còn số diện tích đang tranh chấp thì Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành chưa cho thuê đất, trong đó có số diện tích mà gia đình ông Đ, bà Lan đang khởi kiện.

Nay tại phiên tòa ông Đ, bà Lan yêu cầu Công ty Đông Bắc trả lại diện tích đất tranh chấp 41,33 ha cho gia đình thì Công ty Đông Bắc không nhất trí.

Theo bản hòa giải ngày 12 tháng 09 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Đ đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh, chị Nguyễn Thị Nhàn, chị Nguyễn Thị Ngọc, anh Nguyễn Văn Đại trình bày: Nhất trí như lời trình bày của Nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) tỉnh Nghệ An ghi nhận sự cố gắng của UBND huyện Yên Thành, xã Lãng Thành, Kim Thành và Công ty Đông Bắc trong việc giải phóng mặt bằng để bàn giao đất cho nhà đầu tư, Đ thời không tạo ra sự tranh chấp giữa nhà đầu tư với các hộ dân có lâm bạ, khế ước giao đất lâm nghiệp. Đối với nội dung các hộ dân có hồ sơ lâm bạ, khế ước giao đất nhưng hiện nay

đang có phần diện tích trùng chéo với diện tích của Công ty Đông Bắc cần xử lý như sau:

- Về đối tượng hỗ trợ: Là các hộ dân có khế ước giao đất lâm nghiệp và các hộ dân được Nhà nước giao hồ sơ lâm bạ với mục đích bảo vệ rừng theo nghị định 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính Phủ nhưng từ trước tới nay chưa được hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi bảo vệ rừng.

- Về thời gian để tính hỗ trợ: Thống nhất thời gian hỗ trợ là từ thời điểm các hộ dân được cấp đất lâm nghiệp theo nghị định số: 02/NĐ-CP của Chính Phủ hoặc được cấp khế ước giao đất lâm nghiệp đến thời điểm Tổng đội TNXP 6 được thành lập (1997 đến 2003).

- Về đơn giá, kinh phí khoanh nuôi bảo vệ rừng: áp dụng định mức đơn giá 400.000 Đ/ha/năm theo quy định tại nghị định số: 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính Phủ.

- Về diện tích hỗ trợ: Hỗ trợ theo diện tích đo đạc thực tế được người dân thống nhất trong quá trình kiểm tra, xác minh tại hiện trường.

- Về kinh phí hỗ trợ: Công ty Đông Bắc ứng trước nguồn kinh phí của doanh nghiệp để chi trả cho người dân và được khấu trừ theo quy định của pháp luật sau khi dự án đi vào hoạt động.

Giao cho UBND huyện Yên Thành rà soát hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định.

Đối với các hộ gia đình, cá nhân mặc dù đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp lâm bạ, khế ước nhưng không sử dụng ổn định, liên tục từ khi được giao đến nay, không phù hợp với quy hoạch được phê duyệt thì theo quy định không bồi thường, hỗ trợ.

Đối với những hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất và tác dụng vào đất kể từ thời điểm Nhà nước giao đất, giao sổ lâm bạ, khế ước cho đến nay thì xem xét bồi thường, hỗ trợ theo quy định vì:

Năm 2001 - 2002 khi thành lập Tổng đội TNXP6 - XDKT, nhà nước, chính quyền địa phương đã bàn giao phần diện tích đất này cho Tổng đội để quản lý, sử dụng theo dự án được phê duyệt, các hộ đội viên Tổng đội TNXP6 đã sử dụng từ đó cho đến nay.

Khi thực hiện Nghị định số 163/1999/NĐ - CP ngày 16/11/1999 của Chính Phủ về việc giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; sở địa chính (nay là sở tài nguyên và môi trường) đã có nhiều văn bản hướng dẫn lập hồ sơ giao đất và đăng ký cấp Giấy CNQSD đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó có công văn số 147/CV - ĐC ngày 20/02/2003 hướng dẫn bổ sung việc thực hiện Nghị định 163/1999/NĐ - CP tại Nghệ An. Tại công văn này có nội dung yêu cầu các huyện rà soát lại việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình theo Nghị định 02 trước đây để xử lý theo quy định. Cụ thể “UBND xã chủ trì phối hợp với cán bộ phòng

Địa chính, Hạt kiểm lâm và Ban quản lý thôn, bản tổ chức rà soát lại các khu vực đã giao đất theo Nghị định 02/CP trước đây theo từng thôn bản để xác định rõ vị trí, diện tích, lý do các khu vực cần phải tổ chức giao lại, tổng hợp Mẫu số 1 kèm theo Công văn Đ thời lập tờ trình kèm theo danh sách để báo cáo với UBND huyện.

Trên cơ sở báo cáo của các xã, UBND huyện tổng hợp, lập văn bản báo cáo UBND tỉnh và sở Địa chính kèm theo danh sách tổng hợp, theo mẫu số 4 tại Công văn số 1046/ CV - ĐC ngày 09/9/2002; Đ thời ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ các lâm bạ đã giao trước đây để tránh trùng chéo hồ sơ (đối với với những nơi chưa thu hồi hủy bỏ các lâm bạ thì lập theo mẫu số 2 kèm theo Công văn này) ”

Tuy nhiên tại thời điểm đó UBND các xã trên địa bàn huyện Yên Thành (trong đó có xã Lăng Thành, Mã Thành, Kim Thành...) không tổ chức thực hiện theo quy định nên hiện nay có một số hộ gia đình, cá nhân vẫn giữ bản gốc khế ước giao đất lâm nghiệp, hồ sơ giao đất lâm nghiệp tuy nhiên trên thực tế các hộ không quản lý, sử dụng đất theo sơ đồ, vị trí được giao đất theo Nghị định 02/CP trước đây.

Mặt khác tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng Hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*”

- Nội dung kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân thuộc xã Lăng Thành, Kim Thành, huyện Yên Thành khi Nhà nước thu hồi đất tại Tổng đội TNXP 6 - XDKT trên cơ sở ý kiến tham mưu của các Sở, ngành liên quan, UBND tỉnh đã có các văn bản chỉ đạo, thực hiện (các Thông báo số 485/TB -UBND ngày 08/8/2017 và số 641/TB - UBND ngày 05/10/2018).

Đối với nội dung “*Hồ sơ giao đất và bản đồ lâm nghiệp khi giao đất tại xã Kim Thành, Lăng Thành đã bị tẩy xóa nhiều, rách nát nên khó khăn cho việc xác định đối tượng được hưởng kinh phí bồi thường*”; Giao các ngành cấp tỉnh tạo điều kiện cho UBND huyện Yên Thành được phô tô tài liệu để giải quyết đúng quy định.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xem xét giải quyết vụ án theo quy định đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

- *Ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành:*

Để đảm bảo quyền lợi của các hộ dân trong quá trình khoanh nuôi, bảo vệ rừng từ khi giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 đến khi thành lập Tổng đội TNXP 6; trên cơ sở quy định về định mức hỗ trợ theo quy định tại nghị định số: 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 và các quy định liên quan, UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ kinh phí khoanh nuôi, bảo vệ rừng cho các hộ dân có

lâm bạ, khế ước giao đất nhưng hiện đang có diện tích bị chồng lấn với Công ty Đông Bắc, cụ thể kinh phí hỗ trợ là 400.000 Đ/ha/năm (từ 1997 đến 2003)

Quan điểm của UBND huyện, là sau khi các hộ dân nhận kinh phí hỗ trợ phần diện tích đất chồng lấn với diện tích của Công ty Đông Bắc sẽ thu hồi lâm bạ hoặc khế ước. Để triển khai thực hiện thông báo số: 641/TB-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Nghệ An, UBND huyện Yên Thành yêu cầu các đơn vị liên quan và các hộ dân thực hiện:

1. Đối với các hộ dân có lâm bạ, khế ước có đất đang chồng lấn với Công ty Đông Bắc:

Trường hợp các hộ dân thống nhất phương án hỗ trợ thì làm đơn gửi UBND xã để lên phương án bồi thường.

2. Trường hợp các hộ dân không đồng ý phương án hỗ trợ thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị văn phòng luật sư Trọng Hải hướng dẫn các hộ dân (cụ thể hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ) thực hiện theo đúng quy định của pháp luật trong việc giải quyết tranh chấp, tránh trường hợp kéo dài thời gian, ảnh hưởng an ninh trật tự và quyền lợi của nhà đầu tư.

Yêu cầu UBND xã Kim Thành tiếp tục tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện chính sách hỗ trợ và hướng dẫn các hộ dân làm đơn đề nghị hưởng hỗ trợ theo thông báo số 641/ TB-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh Nghệ An.

Xây dựng mẫu đơn đề nghị hỗ trợ cho các hộ dân làm cơ sở đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020 UBND huyện Yên Thành đã thực hiện công văn số 06/CV - TA ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành đã giao các cơ quan chức năng của UBND huyện và đã phối hợp với UBND các xã: Kim Thành, Lăng Thành đo đạc, xác định lại diện tích thực tế của các hộ dân có lâm bạ, khế ước và có biểu mẫu kèm theo (danh sách diện tích đất của các hộ dân đang tranh chấp với Công ty Đông Bắc nằm trong và ngoài huyện Yên Thành).

Đề nghị Tòa án xem xét về giá trị pháp lý đối với hồ sơ lâm bạ của hộ ông Đ, bà Lan. Đối tượng mà nguyên đơn khởi kiện có đúng không? Việc UBND huyện không ra quyết định thu hồi như nguyên đơn trình bày là không có cơ sở bởi lẽ: dự án thành lập Tổng đội đã được phê duyệt thống nhất từ UBND tỉnh xuống UBND huyện đến UBND các xã. Về việc giao đất thực hiện dự án, UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện thực hiện thu hồi đất trong vùng dự án, nên UBND huyện đã ra công văn số 35 yêu cầu UBND các xã nơi có đất rừng trong vùng dự án thực hiện thu hồi đất của các hộ dân để bàn giao đất cho Tổng đội TNXP6; mặt khác khi Tổng đội TNXP6 tiếp quản và đi vào hoạt động thì không có bất kỳ cá nhân, gia đình nào có đơn khiếu nại gì, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét làm rõ vấn đề này. Trường hợp nếu nguyên đơn có nguyện vọng đền bù, hỗ trợ thì căn cứ vào quy định của UBND tỉnh áp giá 400.000/ha (công sức khoanh nuôi bảo vệ rừng giai đoạn 1997 - 2003) để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

- Ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An:

UBND xã đã tuyên truyền, vận động nhân dân không trồng cây trên đất của dự án nhưng tình hình vẫn phức tạp, nhiều bà con vẫn trồng keo trên đất đang tranh chấp. Vì vậy, các ban ngành chức năng phải có phương án giải quyết để ổn định tình hình trên địa bàn. Các hộ dân nào nếu có nguyện vọng nhận tiền hỗ trợ thì làm đơn gửi đến UBND xã, UBND xã sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng huyện tiến hành đo đạc, xác minh đất của các hộ dân đang tranh chấp với Công ty Đông Bắc bị chồng lấn, thực địa. Trường hợp các hộ dân không thống nhất phương án bồi thường theo chủ trương của Tỉnh thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Còn về giá trị pháp lý của hồ sơ lâm bạ thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

- Ý kiến trình bày của đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hạt kiểm Lâm huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An:

Đối với hồ sơ giao đất lâm nghiệp của hộ ông Đ, bà Lan có sự sai sót về số liệu; Biên bản giao đất thực địa có trước quyết định giao đất là không đúng trình tự thủ tục. Đề nghị Tòa án xem xét, hồ sơ giao đất lâm nghiệp có đảm bảo tính pháp lý hay không.

- Ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Thanh, chị Nhàn, chị Ngọc, anh Đại:

Chị Thanh, chị Nhàn, chị Ngọc, anh Đại đều thống nhất là không nhận kỷ phần trong phần đất đang tranh chấp vì đó là công sức mồ hôi của ông Đ, bà Lan nên chị Thanh, chị Nhàn, chị Ngọc, anh Đại không có yêu cầu gì và cũng không có khiếu nại gì tất cả mọi quyền lợi đối với thửa đất đang tranh chấp thì để cho ông Đ, bà Lan được hưởng và đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ, bà Lan.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Đường:

Anh không nhận kỷ phần trong phần đất đang tranh chấp vì đó là công sức mồ hôi của ông Đ, bà Lan nên Anh không có yêu cầu gì và cũng không có khiếu nại gì tất cả mọi quyền lợi đối với thửa đất đang tranh chấp thì để cho ông Đ, bà Lan được hưởng và đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho ông Đ, bà Lan.

- Tại bản khai của nhân chứng ông Đào Quang Ngọc:

Ông nguyên là Tổng đội trưởng Tổng đội TNXP6, ông khẳng định việc thành lập Tổng đội TNXP6 là chủ trương đúng đắn của UBND tỉnh Nghệ An; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Yên Thành khóa 23. Với Chủ trương này đã làm thức tỉnh tiềm năng kinh tế vùng đồi núi huyện Yên Thành, góp phần giải quyết việc làm và tăng trưởng kinh tế cho huyện nhà.

Khi Tổng đội lên nhận đất do UBND các xã giao, các hộ dân trong vùng dự án rất phấn khởi vui mừng. Khi chia đất cho đội viên: Các hộ đều Đ tình không có phản ánh gì, ông Đ và bà Lan khai nại như vậy là không có căn cứ vì Tổng đội không nhận được đơn thư gì của ai cả. Sau khi xảy ra tranh chấp và phải hòa giải nhiều lần trên UBND xã, ông Đ bà Lan mới có ý kiến với Tỉnh là phải có sự bồi thường công bảo vệ cho dân có hồ sơ, khế ước giai đoạn họ bảo vệ từ 1997 đến năm 2003 chứ không phải như ông Đ, bà Lan trình bày là ngay sau khi gia nhập Tổng đội. Nếu như, ngay sau khi gia nhập ông Đ, bà Lan và các hộ dân có đơn yêu cầu bồi thường tiền công bảo vệ và xuất trình giấy tờ như khế ước, lâm bạ thì Tổng đội đã lên phương án bồi thường, đề nghị Nhà nước chi trả rồi chứ không phải để xảy ra tranh chấp này. Vì: Khi bắt đầu thực hiện dự án, đầu năm 2022 UBND huyện Yên Thành đã thành lập Hội Đ bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng Tổng đội TNXP6 (Quyết định số 92/2022/QĐ-UB ngày 18/02/2022), thời điểm nay Lâm trường Yên Thành được UBND tỉnh chi trả tiền bồi thường GPMB 511.573.000 Đ; tương tự như Lâm Trường Yên Thành, nếu các hộ dân có khế ước lâm bạ mà đề nghị thì cũng sẽ được Nhà nước bồi thường hỗ trợ, Nhưng mà rồi tại sao các hộ dân mãi đến khi bàn giao đất cho Công ty Đông Bắc mới khởi kiện đòi quyền lợi? Điều này là không có cơ sở. Hơn nữa khi bàn giao đất UBND xã không hề báo cáo cho Tổng đội là có một số hộ dân có hồ sơ hay khế ước nên Tổng đội TNXP6 không biết, Tổng đội TNXP6 chỉ nhận đất qua UBND xã, không nhận trực tiếp từ các hộ dân.

Theo Ông nêu các hộ dân thực hiện đúng trách nhiệm về bảo vệ rừng theo Nghị định 02/CP với diện tích được giao, thì tại sao từ năm 2003 các hộ đội viên Tổng đội TNXP6 lại được xây dựng hàng trăm ngôi nhà và cải tạo khai hoang chuyển đổi mục đích hàng trăm ha đất sang đất sản xuất để trồng: Dứa, Mía, Sắn trên thửa đất họ bảo vệ. Theo quy định thì đất rừng phòng hộ chỉ khoanh nuôi, bảo vệ mà không được xây dựng nhà và canh tác vậy họ sử dụng có đúng mục đích ban đầu không? Để các hộ đội viên Tổng đội TNXP6 được trồng dứa, mía, sắn và xây dựng nhà cửa trên diện tích đất rừng này là Tổng đội TNXP6 đã căn cứ dự án “ Đầu tư phát triển kinh tế Lâm – Nông nghiệp Tổng đội TNXP6 xây dựng kinh tế vùng Bồ Bồ - Động Cầu – Nhà Dứa, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An” về xây dựng Tổng đội TNXP6 đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 422/QĐ.UB ngày 30/01/2022.

Từ đó Ông khẳng định: Diện tích đất các hộ dân cụ thể của ông Đ, bà Lan đã được bàn giao cho Tổng đội và sau đó Tổng đội chia cho các hộ đội viên để sản xuất canh tác vì các hộ dân và thanh niên đã được Tổng đội thu hút vào làm đội viên và chính thức hỗ trợ để phát triển kinh tế, vì vậy quyền lợi của họ đã được đảm bảo do đó khi chia đất và canh tác nhiều năm họ không có ý kiến gì.

Như vậy việc bảo vệ rừng của các hộ dân không diễn ra liên tục bởi lẽ khi Tổng đội thành lập thì Ông là người đã triển khai cho các hộ dân được biết về chủ trương và chính hộ ông Đ, bà Lan thành viên của Tổng đội TNXP6 ngay từ những ngày đầu tại vùng Nhà Dứa (nay Đ Bản). Nay ông Đ, bà Lan khởi kiện đòi lại đất là không có cơ sở đề nghị Tòa án xem xét.

Tại biên bản báo cáo ngày 19/10/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường, Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hạt kiểm lâm, Chi nhánh VPĐK đất đai huyện Yên Thành cùng Công ty Đông Bắc, ông Đ, bà Lan đã tiến hành xem xét ranh giới, mốc giới, hiện trạng sử dụng thửa đất tranh chấp như sau:

Lô 20a, tiểu khu 881, diện tích được cấp 22,9ha, diện tích thực địa $337.608,1\text{m}^2$ (33,76081ha) trong đó diện tích đã được đền bù GPMB thu hồi đất là $126.762,2\text{m}^2$ (12,67622ha), diện tích gia đình ông Đ và người dân khác đang sử dụng là $210.845,9\text{m}^2$ (21,08459ha).

Lô 2b, tiểu khu 876, diện tích 35 ha Nhà nước không thực hiện thu hồi đất cho dự án. Hiện các hộ dân đang sử dụng.

Lô 5a, tiểu khu 881, diện tích được cấp 28,5ha, diện tích trên thực địa có một phần nằm ở huyện Yên Thành. Phần ở huyện Yên Thành này, Nhà nước chỉ đền bù GPMB thu hồi đất một phần cho dự án là $22.475,7\text{m}^2$. Phần còn lại ở huyện Yên Thành và ở ngoài huyện người dân đang sử dụng.

Vị trí lô, khoảnh, tiểu khu trên thực địa:

Lô 2b thuộc khoảnh 8 tiểu khu 876.

Lô 20a thuộc khoảnh 4 tiểu khu 878.

Lô 5a có một phần diện tích nằm trong huyện Yên Thành, phần diện tích này tại khoảnh 1,2 tiểu khu 878.

Diện tích ông Đ dẫn đo trên thực tế không nằm trong hồ sơ khởi kiện và cũng không nằm trong bản đồ giao đất theo nghị định 02/CP.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lại(do ông Đ, bà Lan dẫn do) ngày 10/11/2023 thì diện tích đất ông Đ, bà Lan tranh chấp có kích thước như sau:

Diện tích đất lâm nghiệp tranh chấp tại lô 2b là 141.852 m^2 (14,1852 ha), vị trí: xã Lãng Thành, huyện Yên Thành đã được nhà nước đền bù cho các đội viên của Tổng đội TNXP6 và GPMB thu hồi đất.

Theo Công văn số 2222/UBND.TNMT ngày 31/10/2023 của UBND huyện Yên Thành trả lời Tòa án, thì diện tích lô 2b nằm ở vị trí khác và Nhà nước không thực hiện GPMB thu hồi đất lô 2b.

Lô 5a diện tích $143.385,1\text{m}^2$ trong đó ($16.287,3\text{ m}^2 + 9.445,8\text{ m}^2$) thuộc xã Lãng Thành không thu hồi; 117.652m^2 thuộc xã Kim Thành đã được Nhà nước đền bù cho các đội viên của Tổng đội TNXP6 và GPMB thu hồi đất.

Lô 20a có diện tích 106.779m^2 vị trí: xã Kim Thành, huyện Yên Thành. trong đó $45.239,4\text{m}^2$ đất lâm nghiệp không thu hồi và ông Đ đang sử dụng, diện tích còn lại $61.548,6\text{m}^2$ đã được Nhà nước đền bù cho các đội viên của Tổng đội TNXP6 và GPMB thu hồi đất.

Bà Nguyễn Minh Huyền và bà Ngô Thị Bình đại diện theo ủy quyền cho cho Nguyên đơn thống nhất ý kiến như sau:

Đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án chấp nhận đơn khởi kiện buộc bị đơn trả 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876; 4,87 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881; 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881; vị trí các lô: xóm Nhà Đũa (nay Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 63, 70, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 273; Điều 244; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1) Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “ Buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876.
- 1,6 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan”.

2) Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 30 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2, tiểu khu 876.
- 16,5 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2a, tiểu khu 876.
- 15,4 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5, tiểu khu 881.
- 14,1 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5b, tiểu khu 881.
- 5,2 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,77 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan kháng cáo toàn bộ phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Yêu cầu buộc công ty TH phải trả lại: - 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876.

- 1,6 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.

- 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bả), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan”. Hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội Đ xét xử sơ thẩm: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; Hội Đ xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tính có căn cứ, hợp pháp của kháng cáo: Kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Hồng đúng thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý là đúng quy định.

- Về nội dung kháng cáo: Về quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 30 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2, tiểu khu 876.

- 16,5 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2a, tiểu khu 876.

- 15,4 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5, tiểu khu 881.

- 14,1 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5b, tiểu khu 881.

- 5,2 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.

- 4,77 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bả), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Lan và người đại diện theo ủy quyền rút không yêu cầu Tòa án giải

quyết đối với các lô đất trên, Bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876.
- 1,6 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Tại xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ông Đ cho rằng diện tích đất lâm nghiệp trên được UBND huyện Yên Thành giao cho ông từ năm 1998 và xuất trình 03 hồ sơ giao đất lâm nghiệp để chứng minh, nên yêu cầu Bị đơn trả lại. Công ty CPTP TH cho rằng phần diện tích đất tranh chấp UBND tỉnh chưa cho Công ty thuê nên không chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Như vậy, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì diện tích tranh chấp thuộc lô 2b UBND tỉnh không thu hồi; diện tích do ông Đ xác định trên thực địa để yêu cầu giải quyết không chính xác và phần diện tích lô 5a, 20a UBND tỉnh đã có quyết định thu hồi nhưng hiện nay chưa cho Công ty CPTP TH thuê do đang có tranh chấp và Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có cơ sở.

- Trong vụ án này ông Đ bà Lan chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty CPTP TH trả lại đất, nên việc ông Đ, bà Lan cho rằng khi thu hồi đất không có quyết định, không thông báo và ông bà chưa được bồi thường mặc dù ông bà đã yêu cầu nhiều lần thì ông bà có quyền khởi kiện cơ quan thu hồi nếu có căn cứ.

Đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà Lan giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo hợp lệ. Đ thời, tại phiên tòa phúc thẩm, Hội Đ xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội Đ xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Hội Đ xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, về quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 30 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2, tiểu khu 876.
- 16,5 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2a, tiểu khu 876.
- 15,4 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5, tiểu khu 881.
- 14,1 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5b, tiểu khu 881.
- 5,2 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,77 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Lan và người đại diện theo ủy quyền rút không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các lô đất trên, Bản án sơ thẩm quyết định đình chỉ là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ và bà Lan về buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876.
- 1,6 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Tại xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bản), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ông Đ cho rằng diện tích đất lâm nghiệp trên được UBND huyện Yên Thành giao cho ông từ năm 1998 và xuất trình 03 hồ sơ giao đất lâm nghiệp để chứng minh, nên yêu cầu Bị đơn trả lại. Công ty CPTP TH cho rằng phần diện tích đất tranh chấp UBND tỉnh chưa cho Công ty thuê nên không chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Xem xét hồ sơ giao đất cho ông Đ :

- Đơn xin nhận đất lâm nghiệp do ông Đ ký đề ngày 10/11/1996 ông Đ xin nhận lô 2b khoảnh 876; Ngày 10/10/1996 ông Đ làm đơn xin nhận lô 5a khoảnh 881 và 11/11/1996 làm đơn xin nhận lô 20a khoảnh 881.

- Việc giao đất:

+ Các lô đất trên đều do Phòng NN huyện Yên Thành ký giao cho ông Đ, cụ thể:

Lô 5a tiểu khu 881 diện tích 28,5ha giao ngày 30/10/1996

Lô 20a tiểu khu 881 diện tích 22.9ha và Lô 2b, tiểu khu 876 diện tích 35ha đều giao ngày 11/11/1996;

Các Biên bản giao đất đều có nội dung “ Ông (bà) được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất lâm nghiệp nói trên theo quyết định số 89/QĐ-UB”.

Lô 20a và lô 2b không có sơ đồ vị trí cụ thể khu đất giao cho ông Đ

+ Ngày 14/4/1998 UBND huyện Yên Thành hành Quyết định số 89 giao các lô đất trên cho ông Đ; Tại Quyết định giao 03 lô đất không ghi địa chỉ các lô khoản đất được giao ở đâu.

Tại Biểu kê khai hiện trạng đất lâm nghiệp tại mục Ghi chú (Hướng dẫn sử dụng quyền lợi của chủ rừng và nhà nuôi) đều ghi “ Bảo vệ”

Căn cứ vào các tài liệu có tại Hồ sơ giao đất lâm nghiệp do ông Đ xuất trình thấy, ngày 10/10 và ngày 11/11/1996 ông Đ làm đơn xin nhận đất lâm nghiệp; ngày 30/10/1996 và cùng ngày 11/11/1996 Phòng Nông nghiệp đã lập BB giao đất cho ông Đ; nhưng đến ngày 14/4/1998 UBND huyện mới hành quyết định số 89 về giao đất cho ông Đ. Như vậy, việc xin nhận đất lâm nghiệp của ông Đ và giao đất cho ông Đ được thực hiện cùng thời điểm và sau khi UBND huyện ban hành quyết định, nhưng tại các Biên bản giao đất đều ghi căn cứ Quyết định số 89 của UBND là không đúng và các biên bản giao đất và quyết định số 89 đều không ghi cụ thể địa chỉ lô đất ở đâu, không có sơ đồ vị trí lô đất được giao.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ cho rằng vị trí các lô đất ông được giao là Nhà Đũa, xã Kim Thành. Tại công văn số 204 ngày 04/2/2022 và công văn số 2222 ngày 31/10/2023 của UBND huyện Thành Thành cung cấp vùng Nhà Đũa, xã Kim Thành thuộc tiểu khu 878 mà không phải khu 881 và 876.

Theo bản đồ đất lâm nghiệp khu 876 thuộc địa bàn xã Lăng Thành mà không phải xã Kim Thành.

[2] Căn cứ vào các tài liệu thì ngày 18/7/2001, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định thành lập Tổng đội thanh niên xung phong 6 – XDKT (viết tắt Tổng đội) tại Bồ Bồ – Động Cầu – Nhà Đũa thuộc xã Lăng Thành, Kim Thành, Mã Thành và ngày 30/01/2002, UBND tỉnh ban hành QĐ số 422 phê duyệt án án.

Nội dung vị trí dự án: Phía Bắc giáp xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; phía Nam giáp tiểu khu 877; phía Đông giáp tiểu khu 875 và xã Lăng Thành và tiểu khu 879 xã Hậu Thành huyện Yên Thành, Nghệ An; phía Tây giáp huyện Tân Kỳ, Nghệ An. Giới hạn: các tiểu khu 876, 878, 873 và một phần của các tiểu khu 875 và 877. Mục tiêu: Thu hút lực lượng đoàn viên thanh niên và nhân dân trong vùng tham gia xây dựng kinh tế Lâm - Nông Nghiệp ...)

Trên cơ sở dự án đã được phê duyệt UBND tỉnh đã giao cho UBND huyện Yên Thành, Tổng đội thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất thu hồi để giao cho Tổng đội; ngày 04/4/2002, UBND huyện Yên Thành bàn giao địa giới của dự án cho Tổng đội TNXP6 diện tích 3.736,5 ha thuộc địa giới hành chính 03 xã là Mã Thành, Lăng Thành và Kim Thành. UBND xã Kim

Thành đã tiến hành xác định lập Biên bản ranh giới sử dụng giữa Tổng đội và xã Kim Thành để giao lại cho Tổng đội. Trong đó có các lô đất ông Đ khởi kiện theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 1998 đã được quy hoạch và UB Kim Thành đã bàn giao cho Tổng đội sử dụng từ năm 2002.

Sau khi Tổng đội thành lập thì ông gia đình ông Đ làm thủ tục chuyển hộ khẩu từ xã Kim Thành đến xã Lăng Thành gia nhập hội viên Tổng đội thanh niên xung phong 6 và ngày 25/9/2005 hộ gia đình ông Đ làm đơn tự nguyện di dân vào vùng dự án của Tổng đội và được Tổng đội tiếp nhận và hỗ trợ 2 triệu Đ để ổn định cuộc sống và được Tổng đội chia và giao quản lý 11,9ha thuộc lô 20a, tiêu khu 881. Diện tích đất còn lại Tổng đội chia và giao cho các đội viên quản lý, sử dụng.

Năm 2012, UBND tỉnh Nghệ An có phương án sáp nhập Tổng đội về Công ty CPTP sửa TH, Diện tích đất trước đây giao cho Tổng đội UBND tỉnh đã thu hồi đất tại các xã Lăng Thành, Kim Thành, Tiến Thành gồm các loại đất Lâm nghiệp, nông nghiệp đất ở nông thôn, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp trồng rừng sản xuất, đất lâm nghiệp trồng rừng phòng hộ và phê duyệt phương án bồi thường tái định cư dự án QĐ số 446 ngày 28/12/2012).

Ngày 7/7/2014 UBND tỉnh ban hành QĐ 3111 về việc phê duyệt phương án giải thể Tổng đội chuyển giao cho Công ty CPTP TH.

Như vậy, diện tích đất lâm nghiệp ông Đ được giao năm 1998 đã bị thu hồi giao cho Tổng đội quản lý và Tổng đội đã chia cho các đội viên quản lý sử dụng trong đó có hộ ông Đ; sau đó Tổng đội giải thể sáp nhập vào Công ty thì diện tích đất trên đã bị thu hồi theo các quyết định của UBND tỉnh để cho Công ty thuê. Tuy nhiên:

+ Tại Công văn số 3141 ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An cung cấp “Khu đất mà các hộ gia đình cá nhân đang đòi quyền lợi nêu trên (gồm có gia đình ông Đ), UBND tỉnh mới có quyết định thu hồi đất của Tổng đội, UBND huyện đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sử dụng đất, có tài sản trên đất và UBND tỉnh chưa có quyết định cho Công ty thuê đất tại khu vực này”.

+ Trên cơ sở kết quả thẩm định do ông Đ dẫn đầu UBND huyện đã thành lập Hội Đ xác định ranh giới mốc giới hiện trạng sử dụng đất (Biên bản ngày 19/10/2022 – thành phần tham gia gồm đại diện Văn phòng đăng ký QSD đất; Phòng nông nghiệp và PTNT, Hạt Kiểm Lâm, Chi nhánh Văn phòng ĐKQSD đất, UBND xã Kim Thành, Công ty) theo đó:

Lô 2b diện tích 35ha UBND không thu hồi, hiện các hộ đang sử dụng.

Lô 20a tổng 337.608,1m²; diện tích đất thu hồi giải phóng mặt bằng là 126.762,20m² (gồm 5 hộ không có ông Đ); diện tích còn lại không bị thu hồi mà đang do ông Đ và người dân khác sử dụng.

Lô 5a nhà nước thu hồi 81.300,60m² không có tên gia đình ông Đ.

Hiện trạng thửa đất do ông Đ dẫn do lô 20 tiểu khu 881 theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2015 là khoảnh 2, 4 tiểu khu 878 xã Kim Thành; lô 5b do các hộ khác sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn trình bày lô 5a, 20a Công ty chưa sử dụng vì UBND tỉnh chưa cho Công ty thuê, mặc dù Công ty đã bồi thường cho các hộ dân.

Như vậy, theo các tài liệu trên thì diện tích tranh chấp thuộc lô 2b UBND tỉnh không thu hồi; diện tích do ông Đ xác định trên thực địa để yêu cầu giải quyết không chính xác và phần diện tích lô 5a, 20a UBND tỉnh đã có quyết định thu hồi nhưng hiện nay chưa cho Công ty CPTP TH thuê do đang có tranh chấp và Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có cơ sở.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội Đ xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 63, 70, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 273; Điều 244; khoản 1 Điều 147; Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

2.1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “ Buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 35 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2b, tiểu khu 876.
- 1,6 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,73 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bả), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan”.

2.2 Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan về việc “buộc Công ty cổ phần Phát triển Lâm nghiệp Đông Bắc trả lại gồm:

- 30 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2, tiểu khu 876.
- 16,5 ha đất lâm nghiệp tại lô số 2a, tiểu khu 876.
- 15,4 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5, tiểu khu 881.
- 14,1 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5b, tiểu khu 881.
- 5,2 ha đất lâm nghiệp tại lô số 5a, tiểu khu 881.
- 4,77 ha đất lâm nghiệp tại lô số 20a, tiểu khu 881.

Vị trí các lô đất: xóm Nhà Đũa (nay là xóm Đ Bả), xã Kim Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan”.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm về tranh chấp đất đai cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lan.

4. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội Đ xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Anh

